TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2023/DS-ST
Ngày: 04 - 12 - 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất; & bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Vân

2- Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên;

Trong ngày 04 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 272/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" *và "Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

* Bị đơn: Ông Lê Văn R, sinh năm 1940; địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Hương L1, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh Lê Minh C, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà L có mặt tại Tòa, ông R, chị L1, anh C vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị K trình bày:*

Bà Trần Thị Kim L khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với ông Lê Văn R theo các nội dung sau:

Bà có mua của ông Lê Văn R 01 phần đất có diện tích 1200m^2, tại thửa số 566, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Bà đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ: CS2942 do Sở T1 cấp ngày 10-3-2017. Đất trên đã được bà L rào lại xung quanh khuôn viên. Do ông R là anh rể của chồng cũ bà nên bà có thỏa thuận chừa ra 3m ngang, dài hết đất ông R cho gia đình ông R có đường đi vào đất nhà, ông R giao lại phần đất mặt hậu của ông có diện tích bằng với diện tích chừa làm con đường đi, hai bên thống nhất đã được địa phương giải quyết bằng biên bản thỏa thuận của các bên. Bà L đã đổ trụ kéo rào bằng lưới B40 xung quanh, ông R cũng chứng kiến việc này. Sau đó bà đi Mỹ trị bịnh về thì thấy ông R tự đập phá bỏ hàng rào của bà đã làm và lấn qua đất bà chiều ngang thêm 3m nữa, dài khoảng 63m. Con đường này đã nhiều lần thỏa thuận, bà cũng đã chấp nhận lấy diện tích mặt hậu chừa diện tích đất mặt tiền cho gia đình ông R có con đường đi vào nhưng ông R tham lam nhiều lần lấn chiếm đất bà. Nay bà không thỏa thuận đổi đất làm đường đi cho gia đình của ông R nữa, gia đình ông R đi đường nào thì tùy ông, đất bà thì bà sử dụng đúng diện tích được cấp. Bà yêu cầu ông R trả lại đất cho bà theo diện tích được cấp giấy và bồi thường số tiền thiệt hại do ông R đập bỏ trụ rào bà đã chôn trụ đổ bê tông làm ranh giới với số tiền là 11.500.000 đồng.

** Theo bị đơn ông Lê Văn R trình bày:*

Bà L là em dâu của ông, chồng bà L là em vợ của ông. Phần đất bà L tranh chấp trên là của vợ chồng ông bán lại cho bà L vào năm 2017, diện tích sang nhượng là 1200m^2, bà L đã thanh toán tiền xong và đã được cấp giấy vào năm 2017. Ông đồng ý giao đủ đất trên cho bà L theo diện tích đất bán là 1200m^2, phần còn lại là đất của ông. Ông không đồng ý bồi thường số tiền 11.500.000 đồng là tiền công thợ đào lỗ chôn trụ, tiền mua xi năng, mua trụ rào do bà L yêu cầu vì bà L trồng trên đất của ông, ông không lấn đất nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Đất trên là do vợ chồng ông đứng tên, vợ ông tên Trần Thị T đã chết năm 2020 có 02 người con là Lê Hương L1, sinh năm 1990 và Lê Minh C, sinh năm 1993, hiện trú tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh, ngoài ra ông bà không còn người con nào khác.

Ông R khẳng định không lấn đất của bà L nên hàng rào ông di dời là trên phần đất của ông. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L và không đồng ý bồi thường số tiền phá bỏ trụ ranh hàng rào bà L làm.

** Theo những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Hương L1 và anh Lê Minh C trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của ông R. Khi còn sống thì ba mẹ của anh chị có bán cho bà L phần đất này, diện tích đất bán là 1200m^2 nhưng không bán con đường đi vào nhà. Nay bà L làm hàng rào luôn phần con đường đi vào nhà thì anh, chị không đồng ý. Chị L1 và anh C thống nhất theo ý kiến của ông R, không đồng ý với yêu cầu của bà L và cũng không đồng ý bồi thường số tiền 11.500.000 đồng cho bà L.

Tại Toà vị Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng có căn cứ theo quy định của pháp luật về việc tống đạt cho các đương sự cũng như xác định tư cách tham gia tố tụng và trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 13, 166, 175, 176, 221, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 170, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 11 của Thông tư 25/2014/TT-BTNMT của Bộ T2 ngày 19/5/2014; Điều 147, 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L đối với ông Lê Văn R về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Ông Lê Văn R, anh Lê Minh C có nghĩa vụ trả lại cho bà L phần đất diện tích 207,3m^2 thuộc một phần thửa 566, tờ bản đồ số 14 theo GCN QSDĐ số CH 213930, số vào sổ cấp GCN: CS02942, ngày 10/3/2017do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T1 cấp cho bà L, đất toạ lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Ông R có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hàng rào trụ bê tông bị di dời làm hư hỏng cho bà L số tiền 11.500.000 đồng.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông R, anh C, chị L1 vắng mặt không lý do. Tòa án tống đạt, các văn bản tố tụng và đã được triệu tập hợp lệ hai lần cho ông R, anh C, chị L1 theo quy định nhưng các ông bà vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông R, anh C, chị L1 theo quy định của pháp luật.

Về tư cách tham gia tố tụng trong vụ án: Bà L khởi kiện ông Lê Văn R nhưng phần đất đứng tên gồm có vợ chồng ông R và bà Trần Thị T, bà T chết nên đưa các con chung của ông R bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định. Anh Lê Minh C và chị Lê Hương L1 là người liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà L có mua của ông Lê Văn R 01 phần đất có diện tích 1200m^2, tại thửa số 566, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Bà đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ: CS2942 do Sở T1 cấp cho bà L ngày 10-3-2017. Các bên đã giao đất, bà L đã sử dụng đất trên từ năm 2017 đến nay và đã được rào lại xung quanh khuôn viên đất, bà đã đổ trụ kéo rào bằng lưới B40 xung quanh, sau đó bà đi Mỹ trị bịnh về thì thấy ông R tự đập phá bỏ hàng rào của bà đã làm và lấn qua đất bà chiều ngang 3m, dài khoảng 63m. Trước đây giữa bà và ông R cũng đã tranh chấp con đường đi vào nhà ông R, hai bên đã thỏa thuận là bà chừa ra mặt tiền ngang 3m cho ông R đi vào đất, ông R trả lại bà diện tích chừa làm lối đi vào mặt hậu đất của ông R nhưng ông R không thực hiện, tự ý phá bỏ hàng rào nên nay bà không đổi đất, không cho ông R đi trên đất bà. Bà yêu cầu ông R trả lại đất cho bà theo diện tích được cấp giấy và bồi thường số tiền thiệt hại do ông R đập bỏ trụ rào bà đã chôn trụ đổ bê tông làm ranh giới với số tiền là 11.500.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Kim L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà L có 01 phần đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số vào số cấp GCN: CS2942 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T1 cấp cho bà ngày 10-3-2017, diện tích được cấp 1200m^2, thửa số 566, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ông R sử dụng phần đất giáp ranh đất bà L đang tranh chấp, đất của ông R cũng đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ có số vào sổ : CS02941 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T1 cấp cho ông R bà T ngày 10-3-2017, diện tích 3025,2m^2, thửa số 567, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Theo sơ đồ bản vẽ hiện trạng sử dụng đất của Văn phòng đất đai tỉnh T – Chi nhánh C1 số: 7701/SĐHT ngày 24-8-2023 thể hiện, thời điểm cấp đất cho bà L và ông R là cùng 01 thời điểm và theo ranh bản đồ cấp đất được áp vào ranh hiện trạng sử dụng đất của bà L, ông R theo sơ đồ bản vẽ trên thì đất bà L được cấp hiện

ông R đang sử dụng làm lối đi với diện tích là 207,3m^2 gồm (73,2m^2 + 134,1m^2). Bà L được cấp diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ và theo ranh bản đồ địa chính là 1200m^2 (73,2m^2 + 134,1m^2 + 983,3m^2 và 9,6m^2) là đủ diện tích được cấp và bà L hiện đang sử dụng có lấn sang đất của ông R với diện tích 49,7m^2 (gồm: 42,6m2 + 7,1m^2). Diện tích đất ông R được cấp và theo ranh bản đồ địa chính là 3019,6m^2 (2874,6m^2 + 42,6m^2 + 50,7m^2 + 7,1m^2 + 44,6m^2). Như vậy theo diện tích bà L được cấp và theo ranh bản đồ địa chính thì ông R đang sử dụng diện tích đất được cấp cho bà L và bà L cũng đang sử dụng đất cấp cho ông R. Bà L khởi kiện chỉ yêu cầu sử dụng đúng diện tích đất được cấp cho bà và bà đồng ý giao trả lại phần diện tích đất bà đang sử dụng của ông R nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kện của bà L và gfhi nhận bà L đồng ý giao trả lại phần đất diện tích đang sử dụng của ông R. Đối với phần diện tích đất bà L sử dụng ngoài diện diện tích được cấp của phần đất giáp ranh đất của ông Nguyễn Văn H và đất giáp con đường đi trên bản đồ chưa xác định là đất của ai và các bên cũng không yêu cầu giải quyết, bà L yêu cầu sử dụng đúng diện tích được cấp nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với diện tích đất này, chỉ giải quyết phần đất được cấp cho bà L 1200m^2. Theo ông R trình bày ông đang sử dụng đúng phần đất của ông không lấn sang đất của bà L, đất bà L là do vợ chồng ông sang nhượng lại, khi sang nhượng ông chừa đất làm con đường đi vào đất ông chứ không sang nhượng để không có lối đi vào đất nhà là không hợp lý. Con đường đất hiện tại là từ xưa đến nay gia đình ông sử dụng nên khi bà L đào hố trồng trụ xi măng hết con đường bít lối đi vào đất gia đình ông thì ông không đồng ý và nhổ hết các trụ xi măng dời đúng vị trí từ xưa đến nay. Lời trình bày của ông R và các con ông R là không có căn cứ vì khi sang nhượng các bên đã đo đất giao đất sử dụng từ năm 2017 đến nay, hiện gia đình ông đang sử dụng phần đất được cấp cho bà L, diện tích sử dụng đã nêu trên. Bà L mặt hậu giáp với đất của ông R đã lấn sang đất ông R diện tích 42,6m^2 cần trả lại cho ông R và bà L cũng đồng ý trả lại diện tích này cho ông R. Các bên cũng có tranh chấp và đã được địa phương giải quyết, bà L đã đồng ý đổi đất mặt tiền của bà để làm lối đi vào đất của ông R, bà L chấp nhận lấy đúng diện tích đất đổi ở mặt hậu đất của ông nhưng ông cũng không đồng ý. Bà L tiến hành chôn trụ làm hàng rào ranh giới theo thỏa thuận các bên thì ông R lại phá bỏ, nhổ trụ rào di dời sang nơi khác và lấn sang đất của bà L gây thiệt hại là vi phạm. Tòa tiến hành hòa giải nhưng ông R và các con ông không đến Tòa, không chấp hành là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Bà L chỉ yêu cầu sử dụng đúng diện tích được cấp đất cho bà là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Hiện diện tích đất của bà L đang thực tế sử dụng là thiếu so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và theo sơ đồ hiện trạng sử dụng thì diện tích đất này gia đình ông R đang sử dụng là 207,3m^2 gồm (73,2m^2 + 134,1m^2), có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đường nhựa dài 8,43m và 1,45m; Hướng Tây giáp đất ông R dài 0m; Hướng Nam giáp đất bà L dài 18,80m và 36,72m; Hướng Bắc giáp đất ông R đang sử dụng dài 62,52m. Phần diện tích đất này cần trả lại cho bà L là phù hợp.

Đối với diện tích đất bà L đang sử dụng của ông R là với diện tích 49,7m^2 (gồm: 42,6m2 + 7,1m^2), bà L đồng ý trả lại diện tích này cho ông R nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại phần hàng rào bị phá bỏ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà L có làm hàng rào, đổ bê tông hố để chôn trụ xi măng, tổng cộng là 15 trụ, phần này đã được các bên thống nhất. Ông R trình bày, sau khi bà L trồng trụ để rào hàng rào ông thấy lấn sang đất ông không còn đường đi vào đất nên ông đã phá bỏ đưa các trụ qua đúng đất bà L để gia đình ông có lối đi, các trụ xi măng vẫn còn ông trồng lại trụ theo ý ông như hiện tại, ông phá bỏ dời trụ rào là đúng, không đồng ý bồi thường cho bà L. Lời trình bày của ông R là không có căn cứ, vì theo phân tích trên và theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất thì ông R đã tự ý di dời các trụ rào do bà L trồng trụ để làm hàng rào không có sự đồng ý của bà L là vi phạm, các trụ bà L trồng là theo đúng ranh đất bà L được cấp nên ông R phải chịu trách nhiện về việc tự ý nhổ trụ rào đi dời này. Qua làm việc với người trực tiếp nhận làm hàng rào cho bà L và theo giá Hội đồng đã định chi phí để trồng trụ, tiền xi măng là 10.000.000 đồng, cộng tiền công 1.500.000 đồng, tổng chi phí là 11.500.000 (mười một triệu năm trăm ngàn) đồng, cần buộc ông R trả lại cho bà L là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu của bà L được chấp nhận toàn bộ nên các chi phí tố tụng trong vụ án ông R phải chịu. Cụ thể: Chi phí đo đạc, thẩm định, định giá đất là 7.910.000 đồng. Số tiền này được giao lại cho bà L.

[5]. Về án phí:

- Đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L nên ông R phải chịu án phí nhưng được miễn theo quy định. Bà L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166, 170, 174, 175, 176 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 166 và 203 Luật Đất đai; Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Kim L đối với ông Lê Văn R.

Buộc ông Lê Văn R và anh Lê Minh C có trách nhiệm trả lại diện tích đất 207,3m^2, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đường nhựa dài 8,43m và 1,45m; Hướng Tây giáp đất ông R dài 0m; Hướng Nam giáp đất bà L dài 18,80m và 36,72m; Hướng Bắc giáp đất ông R đang sử dụng dài 62,52m, (kèm theo Theo sơ đồ bản vẽ hiện trạng sử dụng đất của Văn phòng đất đai tỉnh T – Chi nhánh C1 số 7701/SĐHT ngày 24-8-2023).

Ghi nhận bà L đồng ý trả lại diện tích đất 49,7m^2 (gồm: 42,6m2 + 7,1m^2), cho ông Lê Văn R theo sơ đồ bản vẽ hiện trạng sử dụng đất của Văn phòng đất đai tỉnh T – Chi nhánh C1 số 7701/SĐHT ngày 24-8-2023.

Chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của bà Trần Thị Kim L đối với ông Lê Văn R. Buộc ông Lê Văn R phải bồi thường cho bà Trần Thị Kim L số tiền 11.500.000 (mười một triệu năm trăm ngàn) đồng, là tiền chi phí, tiền công đổ hố bê tông, chôn trụ xi măng để làm hàng rào.

Kể từ ngày người được thi hành án là bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông R không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông R còn phải trả cho bà L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí thẩm định, đo đạc:

Buộc ông R phải chịu nộp chi phí thẩm định, định giá và đo đạc đất là 7.910.000 (bảy triệu chín trăm mười ngàn) đồng. Số tiền này được giao lại cho bà L.

3. Về án phí:

Ông R được miễn án phí theo quy định.

Bà Trần Thị Kim L không phải chịu án phí theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai, các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- THA Dân sự H.Châu Thành
- Tòa án tỉnh
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.